

PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM

PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM*

Tóm tắt: Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, Phật giáo đã có những đóng góp quan trọng trong việc hình thành nền tư tưởng, văn hóa dân tộc Việt Nam, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy sự phát triển, phồn vinh của đất nước. Bài viết phân tích những giá trị đặc sắc của Phật giáo trong đời sống xã hội Việt Nam về tư tưởng triết học, tư tưởng chính trị và văn hóa - tôn giáo.

Từ khóa: Phật giáo; tư tưởng triết học; tư tưởng chính trị; văn hóa - tôn giáo

Ngày nhận: 25/12/2024

Ngày phản biện: 05/01/2025

Ngày duyệt đăng: 12/01/2025

Phật giáo là tôn giáo thành công trên cả hai phương diện đạo và đời, không chỉ “thờ Phật” mà còn “dụng pháp”. Những giá trị tư tưởng và văn hóa tốt đẹp, đặc sắc đã giúp Phật giáo mang những nét đặc trưng, riêng biệt, không bị nhầm lẫn với các tôn giáo khác và được người dân Việt Nam dung hợp, tiếp thu, cải biến, góp phần tạo nên bản sắc của văn hóa - xã hội Việt Nam trên nhiều phương diện: tư tưởng triết học, tư tưởng chính trị và văn hóa - tôn giáo.

1. Tư tưởng triết học

Phật giáo được xây dựng trên một hệ thống tư tưởng triết học uyên thâm, song không chủ trương bàn nhiều đến các vấn đề siêu hình trong triết học và không dùng ngôn ngữ để

giải thích Phật pháp, vì ngôn ngữ là “động”, Phật pháp là “tĩnh”, lấy cái “động” để giải thích cái “tĩnh” thì càng nói càng trừu tượng, càng giải thích càng khó hiểu. Phật giáo yêu cầu tín đồ phải tự thực hành, chiêm nghiệm, trải nghiệm để có được tri thức, hiểu biết. Do đó, trường phái “vô ngôn thông” trở nên thịnh hành trong Phật giáo.

Tuy không có một hệ thống triết học tư biện trừu tượng như Nho giáo, Đạo giáo của Trung Hoa, Phật giáo của Ấn Độ, hay hệ thống triết học của người phương Tây, song người Việt Nam lại có đặc điểm riêng trong tư duy trừu tượng. Người Việt cổ, đặc biệt là người Việt trong nền văn minh Đông Sơn (khoảng thế kỷ thứ VII trước Công nguyên), sớm có quan niệm nhất định về vũ trụ, nhân sinh theo phương pháp tư duy âm - dương lưỡng phân, lưỡng hợp, thể hiện rõ qua các truyền thuyết như Sơn Tinh - Thủy Tinh, Âu Cơ -

* Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Lạc Long Quân, Trầu - Cau, Đầm Dạ Trạch... Những yếu tố đầu tiên của tư duy trù tượng tất yếu sẽ phát triển thành hệ thống những quan điểm hoàn chỉnh, toàn diện về vũ trụ, nhân sinh nếu lịch sử Việt Nam có những bước phát triển liên tục và tuần tự. Tuy nhiên, khi quá trình đó vừa mới bắt đầu thì các thế lực phong kiến phương Bắc đã tiến hành xâm lược Việt Nam (thế kỷ III trước Công nguyên). Lúc này, nền văn hóa và văn minh của người Việt có sự tiếp biến, giao thoa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền văn minh Trung Hoa, sau đó là Ấn Độ, với các hệ thống tư tưởng triết học đồ sộ, được kết tinh trong học thuyết Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo. Người Việt Nam đã tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa tư tưởng triết học trong ba học thuyết Nho - Phật - Đạo và vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với nhu cầu thực tiễn và trình độ tư duy của người Việt. Người Việt không chuộng lối tư duy trù tượng, mà thiên về thực hành, tích lũy kinh nghiệm. Tư duy thiên về kinh nghiệm giúp người Việt Nam suy nghĩ thực tế, đơn giản, giải quyết vấn đề một cách ngắn gọn, thiết thực và hiệu quả. Tư duy, suy nghĩ của người Việt bao giờ cũng xuất phát từ những vấn đề của thực tiễn đặt ra cần giải quyết, chứ không quá chú trọng đến các vấn đề cao siêu, trù tượng. Ví dụ, người Việt tiếp nhận lý thuyết *Khổ đế* (nằm trong Tứ diệu đế) của Phật giáo để liên hệ với những khổ đau trong đời sống con người, như sinh tồn và bại vong, ngoại xâm và nội chiến; tiếp nhận lý thuyết *Tam độc* (tham - sân - si) của Phật giáo để giải quyết các vấn đề cụ thể như lòng vị kỷ hay lòng tham của con người trong các

mối quan hệ xã hội; và tiếp nhận lý thuyết *Nghiệp* (Karma) của Phật giáo để bàn đến nhân quả, nghiệp chướng, răn dạy lễ sống tốt đẹp cho con người...

Vũ trụ quan căn bản của Phật giáo được xây dựng trên nền tảng nhị nguyên, thế giới được tạo thành từ *Ngũ uẩn* (5 yếu tố): *Sắc uẩn*, *Thụ uẩn*, *Tương uẩn*, *Thức uẩn*, *Hành uẩn*. Trong 5 yếu tố này có cả vật chất và tinh thần. Nếu theo cách tiếp cận triết học nhất nguyên duy vật, tư duy nhị nguyên có phần hạn chế, thì với sự tiếp nhận của người Việt, tư duy nhị nguyên của Phật giáo đã đem lại những thành công, giá trị nhất định, nhất là khi được vận dụng trong cuộc sống. Từ đó, hình thành nên lối sống uyển chuyển, linh hoạt, thiên biến vạn ứng, nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc, không cứng nhắc, siêu hình, độc đoán, không tuyệt đối hóa nhất nguyên. Nhị nguyên, trung dung, nhưng không “ba phải”, hỗn độn, mà đó là sự tổng hợp những cái khác biệt (thậm chí là đối lập) để tìm ra cái hài hòa, toàn vẹn, tốt đẹp hơn.

Phương pháp tư duy nhị nguyên tạo cho người Việt Nam cách thức giải quyết các vấn đề trong thực tiễn, chấp nhận có nghịch, có thuận, có đấu tranh để tạo ra sự mới mẻ; đấu tranh để đi đến sự hài hòa, thống nhất chứ không triệt tiêu cái đối lập. Trung dung, nhị nguyên là triết lý của dịch - động, thay đổi nhưng không phủ nhận hoàn toàn cái cũ, không cứng nhắc, cực đoan.

Phương pháp này cũng giúp hình thành nên cách ứng xử của người Việt Nam trước các nền văn hóa khác, vừa giữ được cốt cách, bản sắc văn hóa của mình, vừa sẵn sàng tiếp thu cái mới để tạo nên sự phong phú, đa dạng.

Song, đó là tiếp thu có chọn lọc, trên tinh thần tự đổi mới và hoàn thiện, không đánh mất bản sắc của mình.

Tư tưởng triết học *Bát chính đạo* của Phật giáo, còn được gọi là lý thuyết *Tam học* (giới - định - tuệ), đã tạo nên hệ giá trị chân - thiện - mỹ, được người Việt Nam tiếp nhận và thực hành. *Tam học* trực tiếp bàn đến các vấn đề về sự toilet luyện nhân cách trên nhiều phương diện: lời nói, việc làm, nghề nghiệp, hành vi, suy nghĩ..., hướng tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp. Triết học Phật giáo còn đi sâu nghiên cứu những cái thuộc về bản năng, bản ngã, dục tính, tiềm thức của con người, từ đó hướng dẫn con người cách thức vượt qua cái bản năng, bản ngã, dục tính của mình để hoàn thiện nhân cách, tự giải phóng mình khỏi “vô minh/ngu dốt” - nguyên nhân của nỗi khổ đau, cùng cực.

Triết thuyết Phật giáo đề cao *Lục ba la mật*: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Việc thực hành Lục ba la mật cũng là một phương pháp rèn luyện nhân cách. Người có dục, tham thì cần quán được bản năng, bản ngã, tham lam, mê muội và thực hành bố thí. Người nặng sân, hận thì thực hành tứ vô lượng tâm (từ - bi - hỷ - xả)... Nhân sinh quan Phật giáo lấy con người làm trung tâm, thấy được nỗi khổ của chúng sinh và tìm cách giải thoát chúng sinh khỏi bể khổ bằng cách hướng con người đến phương pháp tu tập thân tâm, vượt qua mọi cám dỗ để dần hoàn thiện nhân cách.

Tự trung, vũ trụ quan, nhân sinh quan triết học Phật giáo được cho là khá trừu tượng, khó hiểu; thâm nhập và đi sâu vào đời sống nhân sinh bằng con đường giao tiếp,

dạy học của các tu sĩ. Chính lối truyền bá tư tưởng hiệu quả đã giúp lý thuyết Phật giáo thâm thấu một cách tự nhiên, để người Việt Nam vận dụng hiệu quả trong thực tiễn, tạo nên một hệ giá trị trong tư duy và cách hành xử luôn hướng tới các giá trị chân - thiện - mỹ của người dân Việt Nam.



Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022 - 2027 (Ảnh: Internet).

2. Tư tưởng chính trị

Ngay từ khi du nhập vào nước ta, trải qua nhiều triều đại chính trị, Phật giáo được mọi tầng lớp nhân dân đón nhận, tiếp thu, tìm thấy trong Phật giáo một hệ thống các tư tưởng triết học phong phú và uyên bác, phương pháp tư duy biện chứng giúp “nâng tầm” tư duy của con người. Triều đại Lý - Trần (thế kỷ XI - XV) được đánh giá là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất trong lịch sử phong kiến nước ta. Kinh tế, văn hóa, tôn giáo phát triển; pháp luật hoàn thiện; chính trị, xã hội ổn định; quân đội vững mạnh, thiện chiến, đoàn kết một lòng... Trong đó, Phật giáo được tôn vinh và trở thành hệ tư tưởng chính thống, nhiều bậc cao tăng được trọng dụng, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa - xã hội đất nước trên nhiều mặt. Phật giáo góp phần tạo nên diện mạo

của thời đại, với một hệ tư tưởng chính trị, một chính sách trị quốc bao dung, độ lượng, khoan hòa, lấy dân làm gốc, khoan thư sức dân, trọng dụng công thần, chăm lo bồi dưỡng sức dân.

Các triều đại phong kiến nước ta đều đặc biệt coi trọng chữ “hòa” trong kế sách trị quốc và ngoại giao. Đạo trị quốc trước hết phải lấy việc nhân hòa làm trọng, dân là gốc của nước, có dân tâm, sĩ khí, ắt thay đổi được thời cuộc. Các triều đại chính trị ở Việt Nam từ cổ chí kim đều chủ trương: Chính sự cốt chuộng ở khoan dung (Khúc Hạo); khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước (Trần Quốc Tuấn); Việc chính trị sắp xếp phải an hòa, tạo nên sức cạp trăm người khôn địch, một người theo thì ngàn kẻ đều theo (Nguyễn Trường Tộ). Khoan hòa cũng là kế sách ngoại giao của một nước nhỏ đối với một nước lớn, tạo nên quan hệ bang giao hữu hảo, thừa thời củng cố sức dân, sức nước. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ... Đối với những đồng bào lạc lối làm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ”¹. Dân tộc và Tổ quốc là trên hết, do đó, phải gạt bỏ những thành kiến để rộng lòng đoàn kết chân thành với tất cả những ai sẵn lòng cống hiến, đóng góp cho sự phát triển của quốc gia - dân tộc, không phân biệt thành phần xã hội, giai cấp, đảng phái, xu hướng chính trị, dân tộc, tôn giáo, kể cả những người trước đây từng là

kẻ thù của nhân dân nay đã hồi tâm chuyển ý và tán thành sự nghiệp cách mạng.

Văn hóa chính trị đậm chất nhân văn, ưu việt trên ít nhiều chịu ảnh hưởng từ tư tưởng Phật giáo. Trong lịch sử, Phật giáo đã từng theo sau “vó ngựa” của kẻ ngoại xâm, nhưng sau một thời gian, với sự “thấm định” của cộng đồng, Phật giáo đã được tiếp nhận, thậm chí có lúc trở thành hệ tư tưởng chính thống chi phối đời sống chính trị nước ta. Từ công cụ của kẻ ngoại xâm trở thành công cụ của triều đình, từ xa lạ trở nên gần gũi, thân quen, Phật giáo phát triển theo nhu cầu của xã hội và trở thành sự lựa chọn của giai cấp cầm quyền, được sử dụng như một sức mạnh tinh thần để quy tụ, tập hợp, đoàn kết toàn dân tộc mỗi khi đất nước lâm nguy. Dưới thời nhà Trần, các nhà vua đã sử dụng tư tưởng “Lục hòa”² (thân hòa, khẩu hòa, ý hòa, lợi hòa, giới hòa, kiến hòa), thuyết Tứ vô lượng tâm (từ - bi - hi - xả) của Phật giáo để quy tụ sức mạnh toàn dân tộc, ba lần đánh thắng quân Mông - Nguyên xâm lược.

Đến nay, đặc điểm văn hóa chính trị đó vẫn vẹn nguyên giá trị. Khi chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đóng vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, các học thuyết, triết thuyết tôn giáo khác vẫn được tôn trọng và tạo điều kiện để phát triển, trong đó có Phật giáo.

Chủ thuyết của Phật giáo là hướng con người đến hiểu biết và trí tuệ để mưu cầu hạnh phúc và thoát khỏi khổ đau. Đặc biệt, tư tưởng chính trị của Phật giáo khá tương đồng với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đó là hướng đến giải phóng giai cấp, tầng lớp lao khổ bị bóc lột và giải phóng quốc gia - dân tộc,

mong muốn một xã hội đại đồng, không còn áp bức, con người được ấm no, hạnh phúc. Mục tiêu và lý tưởng của Phật giáo và chủ nghĩa xã hội đều là mưu cầu hạnh phúc và khát khao một cuộc sống an bình cho nhân dân, nếu có khác là khác ở cách thức biểu đạt và con đường để đạt đến mục tiêu.

Các triết thuyết giác ngộ (trí tuệ, tài giỏi), từ bi (vị tha, tha thứ), thiếu dục (tiết kiệm), không tham - sân - si (không tham danh vọng, quyền lực, lợi lộc), quán tưởng (có lập trường, kiên trì, tập trung), hòa (yêu thương, tôn trọng tha nhân), chính nghiệp, chính niệm (tận tâm, tận lực), chính tinh tiến (cầu thị, cầu tiến),... đã được Phật giáo đề cập và tiếp tục được làm mới ở thời đại chúng ta như một sự tiếp nối các giá trị truyền thống.

Triết lý và văn hóa chính trị đó của Việt Nam đã góp phần tạo nên hệ giá trị quốc gia (yêu chuộng hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc); hệ giá trị văn hóa (dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học); hệ giá trị con người (yêu nước, đoàn kết, tự lực, tự cường...).

3. Về văn hóa - tôn giáo

Phật giáo khác với các tôn giáo khác ở những điểm sau:

Thứ nhất, Phật giáo lựa chọn con đường trung đạo, nghĩa là không thiên về tư tưởng trừu tượng, không quá phức tạp về lễ nghi, không quá chấp vào văn tự, kinh sách để cầu đạo, cũng không ép giáo chúng phải khổ hạnh để đắc đạo. Vì vậy, mọi tầng lớp nhân dân đến với Phật giáo không chỉ để “đi tu”, mà còn nhằm “dụng pháp”, “hành” (thực hành

điều thiện), “sửa” (sửa nghiệp), tu thân ở mọi nơi, mọi lúc. Chính vì lẽ đó, Phật giáo đã vượt lên những giáo điều và yêu cầu cả kinh nghiệm bản năng, lý tính.

Thứ hai, Phật giáo không ép buộc người Việt Nam phải từ bỏ phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của mình để theo đạo như cách một số tôn giáo đã thực hiện. Thông qua con đường truyền bá của các tu sĩ, Phật giáo đã tìm hiểu phong tục, tập quán, văn hóa, nếp sống để truyền đạo, hành đạo, sống đạo theo phong cách, nhu cầu, lễ thói của người dân Việt Nam. Đến với Phật giáo, con người không lo sợ về một thế lực siêu nhiên, thần thánh, ma quỷ với sức mạnh vô biên có thể trừng phạt họ. Phật giáo cũng không hướng con người đến cái gọi là “số phận” hay “định mệnh”. Với Phật giáo, định mệnh do con người, đó là kết quả của *nghiệp* do *thân, khẩu, ý* mà ra. *Nghiệp* không phải là bất di bất dịch, mà có thể thay đổi khi con người nỗ lực sống thiện và làm nhiều việc thiện. Nhân sinh quan Phật giáo đã tạo cho con người niềm hy vọng, sự tự tin, không trốn tránh thực tại, không trông chờ, y vào tha lực (ngoại lực) hay thánh thần, mà phải tự nỗ lực tu thân, tích đức để chuyển *nghiệp*.

Thứ ba, Phật giáo có hai phép tu căn cốt là *thiền và tịnh*, với mục đích là thực hành tu luyện, nội quán *tâm, tính* để đạt đến trạng thái *vô niệm* và *giải thoát*. Thiền là phương pháp thực hành thiết yếu đối với hầu hết các bậc tu hành và phật tử. Người tu hành thực hành thiền để tập trung tâm trí, để đạt tới sự tĩnh lặng bên trong, tìm được “chân lý và sự thật” ở bên ngoài từ chính mình. Thiền còn có nghĩa là con đường dẫn đến

trạng thái giác ngộ, hiểu được bản thể vũ trụ, nhân sinh. Mặc dù *thiền định* vốn phù hợp với những tu sĩ có căn tính, tu ở tầm cao chuyên nghiệp, nhưng đối với tầng lớp giáo chúng, thiền có thể có nhiều hình thức: ngồi tĩnh lặng ngắm nhìn một không gian, phong cảnh đẹp cũng là thiền; thiền cũng có thể là một phương pháp luyện dưỡng sinh để nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất; có thể chỉ là sự tập trung cao độ để suy ngẫm về một vấn đề giúp chúng ta hiểu được bản chất bên trong của vạn vật; cũng có thể là học cách buông, xả, bình tĩnh, đối diện với thực tại để không cảm thấy mọi trách nhiệm là gánh nặng, mọi khó khăn là sức ép và khi gặp bất trắc thì có thể tìm ra lối thoát thông minh nhất, không cực đoan; thiền cũng có thể là tụng niệm hay sử dụng một Mạn đà la, lập đàn tràng, bày lễ vật, pháp khí để cầu nguyện, tu luyện... Nói chung, việc hành thiền phong phú, thiết thực và đơn giản, không chỉ dành cho giới tu sĩ chuyên nghiệp, mà cả người dân và trí thức cũng có thể thực hành thiền ở nhiều cấp độ khác nhau.

Thứ tư, Phật giáo không xa rời thực tại, nó khởi phát từ thực tiễn đầy khổ đau của con người, do đó cũng bắt đầu bằng những tiền đề rất cơ bản là hướng dẫn con người vượt qua khổ đau và đạt đến sự giác ngộ.

Thứ năm, Phật giáo đề cao sự kiểm dục (không có quá nhiều khoái cảm nhục dục, kiểm soát tham - sân - si), song lại đi sâu nghiên cứu những bản năng, dục tính, bản ngã, cái siêu ngã, tiềm thức trong con người; không phải buộc tìn đồ chối bỏ và diệt dục hoàn toàn, mà nhằm hướng dẫn họ kiểm soát

“dục tính”, vượt lên sự cám dỗ của bản năng để giữ “cái dục” quân bình, điều hòa. Phật giáo đề cao cái “vô ngã”, nhưng không loại bỏ chủ nghĩa cá nhân, chỉ lưu ý rằng, con người không tồn tại độc lập mà phải nương tựa vào vạn vật để tồn tại, tất cả chúng ta đều được gắn kết bởi các yếu tố chung ấy.

Với những đặc trưng ưu việt đó, Phật giáo đã tạo nên những giá trị sâu sắc, không bị nhầm lẫn với các tôn giáo khác, được người dân Việt Nam đón nhận một cách tự nguyện với niềm say mê, sự nhận thức đầy xác tín và trải nghiệm tâm linh thực tiễn lành mạnh suốt nhiều thế kỷ.

Phật giáo là sự kết hợp tinh tế của “tuệ” (triết học) với lòng sùng kính nhiệt thành (tôn giáo), khiến nó trở nên nổi bật và thành công trên cả hai phương diện đạo và đời, góp phần tạo nên hệ giá trị Việt Nam trên nhiều bình diện: triết học, chính trị, văn hóa - tôn giáo và kinh tế. ♦

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. 4, tr. 280-281.

2. *Thân hòa đồng trụ*: Sống hòa thuận, thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ và san sẻ cho nhau.

Khẩu hòa vô tranh: Lời nói hòa hợp không tranh cãi.

Ý hòa đồng duyệt: Tâm ý luôn vui vẻ với nhau, biết thông cảm với những suy nghĩ của người khác, không đố kỵ, kiêu ngạo, chỉ trích và phê phán.

Lợi hòa đồng quân: Phải chia đều cho nhau về vật chất, của cải, đồ dùng theo thứ bậc lớn nhỏ, không được lạm dụng quyền hạn của mình để làm của riêng.

Giới hòa đồng tu: Tôn trọng và thực hành những giới pháp đã được chỉ dạy và tuân thủ quy định chung.

Kiến hòa đồng giải: Cùng chia sẻ hiểu biết cho nhau, cùng nhau góp ý xây dựng về quan điểm, cách nghĩ, cách làm, tất cả đều đặt trên cơ sở và nền tảng vì lợi ích chung cho mọi người.